

Số: 17/2023/QĐST-KDTM

Thành phố Huế, ngày 18 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2023/TLST- KDTM ngày 30 tháng 01 năm 2023,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T; địa chỉ: Số 89 đường L, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý (Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020); địa chỉ: Số 89 đường L, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

- Ông Võ Minh T; chức vụ: Phó Giám đốc VPBank chi nhánh Huế; địa chỉ: 35 đường L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. (Văn bản ủy quyền số 1139/2022/UQ-VPB-LCC ngày 30/5/2022);

- Ông Nguyễn Mạnh S/ ông Trần Đình L/ ông Nguyễn Lê Anh T; địa chỉ: Tầng 4, số 112 đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Văn bản ủy quyền số 1139/2022/UQ-VPB-LCC ngày 30/5/2022.

Bị đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ: 72-74 đường B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị Xuân T, chức vụ: Giám đốc

công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị Xuân T, sinh năm 1965; địa chỉ: 72-74 đường B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ông Võ Thế T, sinh năm 1958; địa chỉ: 72-74 đường B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền nợ và phương thức trả nợ:

Xác định tính đến ngày 10/8/2023, Công ty TNHH T còn nợ của Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền tổng cộng gồm 2.524.919.151 đồng, trong đó: Gốc: 687.559.733 đồng; nợ lãi: 1.837.359.419 đồng. Công ty TNHH T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T số tiền 2.524.919.151 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền dư nợ gốc vào ngày 30/9/2023.

Kể từ ngày 11/8/2023, Công ty TNHH T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Nam T theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Việt Nam T.

2.2. Về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

Trong trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình, hoặc các tài sản không đủ để thanh toán các khoản nợ của Công ty TNHH Thanh Trang thì Ngân hàng TMCP Việt Nam T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Đinh Thị Kim T, ông Võ Thế T, là người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty TNHH T, theo Hợp đồng bảo lãnh số 260517-24856-01-SME/HĐBL ngày 29/5/2017 và Hợp đồng bảo lãnh số 260517-24856-02-SME/HĐBL ngày 29/5/2017 được ký kết giữa bà Đinh Thị Xuân T, ông Võ Thế T với Ngân hàng TMCP Việt Nam T, để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không thanh toán hết khoản nợ trên thì Công ty TNHH T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho ngân hàng.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Gồm 41.249.191 đồng tức là $[72.000.000 \text{ đồng} + (2\% \times 524.919.151 \text{ đồng})] \times 50\% = 41.249.191 \text{ đồng}$. Bị đơn là Công ty TNHH T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T không phải chịu án phí sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 32.516.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005474 ngày 18/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TP Huế;
- THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế